TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **30**/2021/HNGĐ-ST Ngày 03/3/2021 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Mạc Ngọc Day - Cán bộ hưu trí.

2. Ông: Vũ Ngọc Lâm - Cán bộ hưu trí.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 03/3/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 280/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Th, xã S, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Th, xã S, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện trú tại: Thôn D, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Anh T và chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/7/2009, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đi làm công ty không về chung sống cùng anh nữa, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng hay cãi chửi nhau và vợ chồng sống ly

thân nhau từ năm 2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Hương.

- *Về con chung*: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 13/3/2012, hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Trần Thị H trình bày*:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/7/2009, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh T xin ly hôn với chị chị nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 2012. Khi ly hôn chị nhất trí để anh T nuôi dưỡng cả hai cháu với lý do hiện chị chưa có nhà ở và điều kiện để nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập tham gia hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo gọi nhiều lần, nhưng chị H không đến tham gia hòa giải dẫn đến việc không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Hkết hôn với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2009 tại UBND xã S, huyện Y, tỉnh Tuyên, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện anh T và chị H đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và xử cho anh

Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Hương. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 13/3/2012 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H kết hôn với nhau ngày ngày 14/7/2009 tại UBND xã S, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án chị H cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh T. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 13/3/2012, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành. Chị H nhất trí để anh T nuôi dưỡng cả hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Quá trình giải quyết vụ án qua hỏi ý kiến của cháu O và cháu T1 thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh T. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu cần giao cháu Nguyễn Thị Kim O và cháu Nguyễn Thị Kim T1 cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh T không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Anh T và chị H cùng xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Anh T và chị H cùng xác định không có không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* **Tuyên xử**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 13/3/2012 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002311, ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, anh T đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã S (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Văn Tuyến

\